

**Bài học ngày 15.10.2021**

---

## **BÀI 18. BIẾN CÁCH DANH TỪ NỮ TÍNH TẬN CÙNG BẰNG - Ā**

### **1. Biến cách danh từ nữ tính tận cùng bằng – ā:**

**Vanitā** – người đàn bà

**Số ít / Số nhiều**

<b>Chủ cách</b>	vanitā / vanitā, vanitāyo
<b>Đối cách</b>	vanitaṃ / vanitā, vanitāyo
<b>Sở dụng cách</b>	vanitāya / vanitāhi (vanitābhi)
<b>Xuất xứ cách</b>	vanitāya / vanitāhi (vanitābhi)
<b>Chỉ định cách</b>	vanitāya / vanitānaṃ
<b>Sở thuộc cách</b>	vanitāya / vanitānaṃ
<b>Định sở cách</b>	vanitāya, vanitāyaṃ / vanitāsu
<b>Hô cách</b>	Vanite / vanitā, vanitāyo

### **2. Những danh từ dưới đây có biến cách tương tự như trên:**

(Lưu ý: hầu hết danh từ tận cùng bằng -ā là nữ tính).

kaññā / dārikā = bé gái	kathā = lời nói, diễn văn, diễn
Gaṅgā = sông Hằng, Hằng Hà	nghĩa
nāvā = tàu, thuyền	latā = giây leo
ammā = mẹ	guhā = hang động
paññā = trí tuệ	chāyā = bóng (hình bóng)
sālā = hội trường, phước xá	vālukā = cát
bhariyā = vợ	mañjūsā = hộp, thùng
sabhā = tụ họp	mālā = vòng hoa, tràng hoa
	surā = rượu

sākhā = nhánh, cành, phụ lưu  
devatā = tiên nữ, thiên nữ  
parisā = đoàn tùy tùng  
saddhā = niềm tin, sự tin tưởng

gīvā = cỏ, cần cỏ  
jihvā = lưỡi  
pipāsā = khát  
khudā = đói

### 3. Động từ

sakkoti = có thể, có khả năng  
parivāreti = đi chung, bao vây  
nivāreti = ngăn ngừa  
anubandhati = theo dõi, săn đuổi  
kujjhati = nổi giận  
namassati = chào, lễ bái  
poṣeti = nuôi dưỡng, giáo dục  
vāyamati = thử, cố gắng  
nilīyati = trốn, ẩn nấp  
sallapati = bắt chuyện  
modati = vui thích, thưởng thức  
sukhaṃ vindati = cảm nhận hạnh phúc  
dukkhaṃ vindati = cảm nhận khổ đau  
paṭiyādeti = chuẩn bị  
pakkhipati = đặt, để, gởi

## PĀLI VUI ĐỀ HỌC

### NGŨ VÀ NGHĨA

Chuyển dịch một thuật ngữ từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác thường không dễ dàng. Đặc biệt là thuật ngữ Phật học. Nền Phật học Việt Nam hưởng lợi nhiều từ Phật học Trung Hoa với kho tàng từ vựng Hán Việt. Những thuật ngữ như uẩn, xứ, giới, đế, sắc, thọ, tướng, hành, thức... đều là kết quả khổ công dịch thuật của nền Phật giáo Trung Hoa cổ đại.

Thế nhưng có một điều phải hết sức tinh ý khi sử dụng thuật ngữ vì nhiều khi trên phương diện ngôn ngữ thì hoàn toàn xứng hợp nhưng do

ảnh hưởng văn hoá hay biến nghĩa thời gian thì được hiểu lệch lạc đi nhiều. Thử lấy ba trường hợp sau đây làm thí dụ:

Phạm ngữ kamma hay karma trong tiếng Ấn có nghĩa là hành động, hành vi. Đức Phật dùng chữ này chỉ cho nghiệp mà tác nhân chính là cetanā hay chủ tâm tạo tác (*Cetanāham bhikkhave kammaṃ vadāmi*). Người Việt thường dùng chữ nghiệp chỉ cho ... nghiệp xấu như câu thơ Kiều: *Đã mang lấy nghiệp vào thân*. Chữ karma được xài tương đối phổ thông trong văn hoá Tây Phương ngày nay được hiểu là “nghiệp kiếp trước”. Mặc dù văn hoá Ki Tô Giáo không thừa nhận có kiếp trước và đời sau nhưng ý tưởng về nghiệp tạo đời trước được nhiều người Tây phương tin theo nhất là các ... thầy bói.

Phạm ngữ Uposatha thường gọi là ngày trai giới nguyên nghĩa là những ngày thiêng vì tuân giữ những học giới khiến thân tâm thanh tịnh. Lấy yếu tố thời gian (thường là 24 giờ) để thúc liễm thân tâm gọi là trai (như trong Phật Học Đại Từ Điển giải “trai hựu tác thời”). Sau này người Việt đọc trai là ngày chay và hiểu cũng “trại” luôn có nghĩa là ... chỉ ăn lê hoát cũ ăn thịt cá.

Phạm ngữ puñña trong Phật học thường dịch là “phước” có nghĩa là năng lượng tích cực duy trì sự tồn tại như nước hay phân bón đối với cây. Phước bao gồm cả phước hữu lậu và phước vô lậu. Nhưng dân gian ảnh hưởng văn hoá Trung Hoa gọi phước là một trong ba thứ tốt lành cho cuộc sống là phước, lộc, thọ. Trong các hiểu này thì phước là đông đảo con cháu, lộc là giàu có cao sang, thọ là sống lâu khoẻ mạnh. Nếu thuần tuý Phật học thì cả ba đều nằm trong chữ phước. Ngay cả trong chùa chiền người ta cũng dùng cụm từ “phước huệ song tu” có nghĩa là tu phước riêng và tu huệ riêng mặc dù đúng nghĩa thì trí tuệ cũng là một thứ phước.

Ông bà thường nói làm gì thì cũng nên có chút chữ nghĩa để phòng thân. Mình có thể hiểu “sâu hơn” là biết chữ thì cũng nên hiểu luôn nghĩa cho tiện việc sổ sách.

## **PĀLI TRONG NGHI THỨC NHẬT HÀNH**

### **Dâng Hoa**

*Pūjemi buddhaṃ kusumenanena  
Puññena me tena ca hotu mokkhaṃ  
Pupphaṃ milāyāti yathā idaṃ me  
Kāyo tathā yāti vināsabhāvaṃ.*

*Pūjemi dhammaṃ kusumenanena  
Puññena me tena ca hotu mokkhaṃ  
Pupphaṃ milāyāti yathā idaṃ me  
Kāyo tathā yāti vināsabhāvaṃ.*

*Pūjemi saṅghaṃ kusumenanena  
Puññena me tena ca hotu mokkhaṃ  
Pupphaṃ milāyāti yathā idaṃ me  
Kāyo tathā yāti vināsabhāvaṃ.*

Dâng hoa cúng dường Phật,  
Bậc thương xót muôn loài,  
Dâng hoa cúng dường Pháp,  
Đạo nhiệm mầu cứu khổ,  
Dâng hoa cúng dường Tăng,  
Ruộng phước không gì bằng,  
Hoa tươi đẹp sẽ tàn,  
Thân giả hợp sẽ tan,  
Nguyện tu mau chứng đạt,  
Quả chân thường giải thoát.

## BÀI TẬP 18

### Dịch sang tiếng Việt

1. Sace sabhāyaṃ kaññāyo katheyyuṃ aham pi kathessāmi.
2. Dārikāyo pupphāni ocinitvā sālāyaṃ nisīditvā mālāyo karimsu.
3. Vanitā rukkhassa sākāyaṃ chinditvā ākaḍḍhi.
4. Bhariyā mañjūsāsu vatthāni ca suvaṇṇaṃ ca ṭhapesi.
5. Dārikā pāsādassa chāyāyaṃ nisīditvā vālukāya kīlīmsu.
6. Bhariyāya kathaṃ sutvā pasīditvā kassako sappuriso abhavi.

### Dịch sang tiếng Pāli

1. Người đàn ông đứng ngoài đường đã hỏi mẹ tôi đường đến chùa.  
(nguyên văn “người đàn ông đã đứng ngoài đường hỏi mẹ tôi)
2. Sau khi nấu cơm, người đàn bà có lòng tịnh tín đối với những sa môn đã mang đến tu viện.
3. Các con có thể vừa làm giàu vừa sống hợp đạo
4. Ngồi trong bóng của ngôi nhà, những bé gái cắt những nhánh của dây leo
5. Những người đàn ông xấu không khuyên ngăn những đứa con trai uống rượu
6. Cầm lấy cái giỏ và tiền, cô gái đi chợ mua bắp

## SỬA BÀI TẬP 17

### Dịch sang tiếng Việt

4. Nagaresu kammāni katvā vetane labhituṃ ākaṅkhamānā narā gāmehi nikkhamiṃsu.
5. Ācariyo āsanaṃ dussena chādetvā samaṇaṃ nisīdituṃ nimantesi.
6. Kumāro dvāraṃ vivaritvā rukkhamaḥā oruhante vānare passamāno aṭṭhāsī (stood).

## **Dịch sang tiếng Pāli**

4. Nếu anh đi tắm hãy giặt quần áo của các con
5. Những con kút và những con quạ đã bay lên không trung từ những cây
6. Đừng la rầy các con đang chơi đùa với con chó dưới cội cây

*Biên soạn giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng*